

THÔNG BÁO
Cam kết chất lượng giáo dục năm học 2023-2024

TT	Nội dung	Chia theo khối lớp			
		Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Điều kiện tuyển sinh	Tốt	Tốt	Tốt	Tốt
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	THCS Cơ bản	THCS Cơ bản	THCS Cơ bản	THCS Cơ bản
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình; Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	Thường xuyên, tích cực	Thường xuyên	Tích cực	Thường xuyên
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	Tốt	Tốt	Tốt	Tốt
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập và sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	Tốt	Tốt	Tốt	Tốt
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	Tốt	Tốt	Tốt	Tốt

Quán Toan, ngày 06 tháng 9 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG



Phạm Thị Duyên

THÔNG BÁO
Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế năm học 2022-2023

STT	Nội dung	TỔNG SỐ	CHIA RA THEO KHỐI LỚP			
			Khối 6	Khối 7	Khối 8	Khối 9
I.1	Số học sinh chia theo hạnh kiểm (áp dụng đối với học sinh được đánh giá theo thông tư số 58/2011/TT-BGDĐT ngày 12/12/2011)	505			241	264
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	483 (95,64%)			226 (93,77%)	257 (97,34%)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	22 (4,36%)			15 (6,23%)	7 (2,66%)
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	0 (0,00%)			0 (0,00%)	0 (0,00%)
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0 (0,00%)			0 (0,00%)	0 (0,00%)
II.2	Số học sinh chia theo kết quả rèn luyện (áp dụng đối với học sinh được đánh giá theo thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021)	511	289	222		
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	502 (98,2%)	282 (97,57%)	220 (99,09%)		
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	9 (1,76%)	7 (2,43%)	2 (0,91%)		
3	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	0 (0,00%)	0 (0,00%)	0 (0,00%)		
4	Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	0 (0,00%)	0 (0,00%)	0 (0,00%)		
II.1	Số học sinh chia theo kết quả học tập (áp dụng đối với học sinh được đánh giá theo thông tư số 58/2011/TT-BGDĐT ngày 12/12/2011)	505			241	264
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	215 (42,6%)			99 (41,07%)	116 (43,93%)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	178 (35,3%)			85 (35,26%)	93 (35,22%)
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	106 (21%)			51 (21,16%)	55 (20,85%)
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	6 (1,19%)			6 (2,51%)	0 (0,00%)
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	0 (0,00%)			0 (0,00%)	0 (0,00%)



II.2	Số học sinh chia theo kết quả học tập (áp dụng đối với học sinh được đánh giá theo thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021)	511	289	222		
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	149 (29,16%)	95 (32,87%)	54 (24,32%)		
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	242 (47,4%)	133 (46,02%)	109 (49,09%)		
3	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	117 (22,9%)	58 (20,06%)	59 (26,59%)		
4	Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	3 (0,59%)	3 (1,05%)	0 (0,00%)		
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	1016	289	222	241	264
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	1007 (99,11%)	286 (98,96%)	222 (100%)	235 (97,51%)	264 (100%)
1.1	(áp dụng đối với học sinh được đánh giá theo thông tư số 58/2011/TT-BGDĐT ngày 12/12/2011)	505			241	264
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	215 (42,6%)			99 (41,07%)	116 (43,93%)
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	178 (35,3%)			85 (35,26%)	93 (35,22%)
1.2	(áp dụng đối với học sinh được đánh giá theo thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021)	511	289	222		
a	Học sinh xuất sắc (tỷ lệ so với tổng số)	149 (29,16%)	95 (32,87%)	54 (24,32%)		
b	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	242 (47,4%)	133 (46,02%)	109 (49,09%)		
2	Thi lại/Học sinh kiểm tra, đánh giá lại các môn trong kỳ nghỉ hè (tỷ lệ so với tổng số)	9 (0,82%)	3 (1,03%)	0 (0,00%)	6 (2,48%)	0 (0,00%)
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	0	02	0	0	0
4	Chuyển trường đến (tỷ lệ so với tổng số)	14 (1,4%)	2 (0,20%)	7 (0,69%)	3 (0,30%)	2 (0,20%)
5	Chuyển trường đi (tỷ lệ so với tổng số)	20 (1,97%)	1 (0,10%)	5 (0,49%)	7 (0,69%)	7 (0,69%)
6	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
7	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	1 (0,09%)	0	0	1 (0,41%)	0
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi					
1	Cấp huyện	111	15	10	35	51
2	Cấp tỉnh/thành phố	12	2	1	2	7
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	158	68	41	45	4

V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	264	0	0	0	264
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	264	0	0	0	264
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	116 (43,93%)	0	0	0	116 (43,93%)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	93 (35,22%)	0	0	0	93 (35,22%)
3	Trung bình (Tỷ lệ so với tổng số)	55 (20,85%)	0	0	0	55 (20,85%)
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	517/499	149/140	108/114	125/116	135/129
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	6	1	2	3	0

Quán Toan, ngày 06 tháng 9 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG

Phạm Thị Duyên



Biểu mẫu 3.3

UBND QUẬN HỒNG BÀNG
TRƯỜNG THCS QUÁN TOÀN

THÔNG BÁO
Công khai thông tin cơ sở vật chất năm học 2023 - 2024

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân Số m ² /học sinh
I	Tổng số phòng học	26	
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	26	-
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ	0	-
5	Số phòng học bộ môn	10	-
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	01	-
7	Bình quân lớp/phòng học	1/1	-
8	Bình quân học sinh/lớp	46,6	-
III	Số điểm trường	01	-
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	11908,4	11,67 m ²
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	3500	
VI	Tổng diện tích các phòng	2725	
1	Diện tích phòng học (m ²)	1664	
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	552	
3	Diện tích thư viện (m ²)	92	
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	325	
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m ²)	92	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	03	3/23
1.1	Khối lớp 6	1	1/7
1.2	Khối lớp 7	0	0/6
1.3	Khối lớp 8	0	0/5
1.4	Khối lớp 9	2	2/5
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định	11	13/23
2.1	Khối lớp 6	1	3/7
2.2	Khối lớp 7	4	4/6
2.3	Khối lớp 8	4	4/5
2.4	Khối lớp 9	2	2/5
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)	8	
4		

VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)		71	Số học sinh/bộ					
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác			Số thiết bị/lớp					
1	Ti vi		30						
2	Cát xét		5						
3	Đầu Video/đầu đĩa		0						
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể		03						
5	Thiết bị khác...		0						
6	Máy tính phục vụ giảng dạy và quản lý		78						
IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng			Số thiết bị/lớp					
1	Ti vi		33						
2	Cát xét		05						
3	Đầu Video/đầu đĩa		0						
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể		03						
5	Thiết bị khác (Màn hình LED)		02						
6									
	Nội dung		Số lượng (m²)						
X	Nhà bếp		20						
XI	Nhà ăn		0						
	Nội dung		Số lượng phòng, tổng diện tích (m²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ				
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú		0	0	0				
XIII	Khu nội trú		0	0	0				
XIV	Nhà vệ sinh	Giáo viên nam		Giáo viên nữ		Học sinh nam		Học sinh nữ	
		Tổng số	Diện tích	Tổng số	Diện tích	Tổng số	Diện tích	Tổng số	Diện tích
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	4	32m ²	4	32m ²	13	65m ²	13	65m ²
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*								
<p>(Theo thông tư số 12/2021/TT-BGDĐT ngày 28/2/2011 của Bộ giáo dục và đào tạo ban hành điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trung học phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu – điều kiện đảm bảo hợp vệ sinh)</p>									
	Nội dung		Có		Không				
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh		x						
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)		x						
XVII	Kết nối internet		x						
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường		x						
XIX	Tường rào xây		x						

Quản Toan, ngày 06 tháng 9 năm 2023



5	Nhân viên thư viện	1			1												
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm																
7	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật																
8	Nhân viên công nghệ thông tin																
9	Nhân viên bảo vệ	3						3									

Quán Toan, ngày 06 tháng 9 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG



Phạm Thị Duyên

**UBND QUẬN HỒNG BÀNG
TRƯỜNG THCS QUÁN TOAN**

THÔNG BÁO

Công khai số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên được đào tạo, bồi dưỡng trong năm học 2022 – 2023 và 02 năm học tiếp theo

TT	Thời gian đào tạo, bồi dưỡng	Đối tượng tham gia	Số lượng người tham gia	Nội dung đào tạo, bồi dưỡng	Hình thức đào tạo, bồi dưỡng	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng
<i>(1)</i>	<i>(2)</i>	<i>(3)</i>	<i>(4)</i>	<i>(5)</i>	<i>(6)</i>	<i>(7)</i>
1	9/2021-6/2023	Giáo viên	3	Sau Đại học (Chuyên môn)	Tại chức	Thạc sỹ
2	9/2022-6/2024	CBQL	1	Sau Đại học (Chuyên ngành QLGD)	Tại chức	Thạc sỹ
3	9/2022-6/2024	Giáo viên	1	Sau Đại học (Chuyên ngành Hóa)	Tại chức	Thạc sỹ

Quán Toan, ngày 06 tháng 9 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG



Phạm Thị Duyên

KẾ HOẠCH
Xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia giai đoạn 2021-2026**I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU****II. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG NHÀ TRƯỜNG****1. Kết quả xây dựng trường chuẩn quốc gia (nếu có)**

- Thời gian nhà trường được công nhận trường đạt chuẩn quốc gia: ngày 28/6/2021
- Mức độ được công nhận: Mức độ 2
- Thời gian hết hiệu lực: ngày 28/6/2026

2. Kết quả tự đánh giá theo Thông tư hiện hành về Kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận trường đạt chuẩn quốc gia.**2.1. Đánh giá các tiêu chí theo kiểm định chất lượng:****2.1.1. Đánh giá tiêu chí mức 1, 2 và 3.**

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả				Nội dung không đạt
	Không đạt	Đạt			
		Mức 1	Mức 2	Mức 3	
Tiêu chuẩn 1					
Tiêu chí 1.1		x	x	x	
Tiêu chí 1.2		x	x	x	
Tiêu chí 1.3		x	x	x	
Tiêu chí 1.4		x	x	x	
Tiêu chí 1.5		x	x	x	
Tiêu chí 1.6		x	x	x	
Tiêu chí 1.7		x	x	x	
Tiêu chí 1.8		x	x	x	
Tiêu chí 1.9		x	x	x	
Tiêu chí 1.10		x	x	x	
Tiêu chuẩn 2					
Tiêu chí 2.1		x	x	x	
Tiêu chí 2.2		x	x	x	
Tiêu chí 2.3		x	x	x	

Tiêu chí 2.4		x	x	x	
Tiêu chuẩn 3					
Tiêu chí 3.1		x	x	x	
Tiêu chí 3.2		x	x	x	
Tiêu chí 3.3		x	x	x	
Tiêu chí 3.4		x	x	x	
Tiêu chí 3.5		x	x	-	
Tiêu chí 3.6		x	x	x	
Tiêu chuẩn 4					
Tiêu chí 4.1		x	x	x	
Tiêu chí 4.2		x	x	x	
Tiêu chuẩn 5					
Tiêu chí 5.1		x	x	x	
Tiêu chí 5.2		x	x	x	
Tiêu chí 5.3		x	x	x	
Tiêu chí 5.4		x	x	x	
Tiêu chí 5.5		x	x	x	
Tiêu chí 5.6		x	x	x	

2.1.2. Đánh giá tiêu chí Mức 4

Tiêu chí	Kết quả		Nội dung đã đạt
	Không đạt	Đạt	
Tiêu chí 1		x	
Tiêu chí 2	x		
Tiêu chí 3		x	
Tiêu chí 4		x	
Tiêu chí 5		x	
Tiêu chí 6		x	

Kết luận: Trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục: cấp độ 3

2.2. Đánh giá theo Chuẩn quốc gia: Trường đạt Chuẩn quốc gia: Mức độ 2

3. Đánh giá chung.

3.1. Điểm mạnh

- Cán bộ quản lý nhà trường: Có phẩm chất đạo đức tốt, có năng lực và trình độ, nhiệt tình, trách nhiệm trong công việc, hoạt động đều tay. Tích cực học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn và năng lực quản lý. Được sự tin tưởng cao của cán bộ, giáo viên, công nhân viên nhà trường. Dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm.

- Xác lập tín nhiệm thương hiệu đối với từng cán bộ giáo viên, công nhân viên, học sinh và phụ huynh học sinh.

- Đẩy mạnh tuyên truyền, xây dựng truyền thống Nhà trường, nêu cao tinh thần trách nhiệm của mỗi thành viên đối với quá trình xây dựng thương hiệu của Nhà trường,- Thực hiện chương trình giáo dục phổ thông, nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục toàn diện, đặc biệt là chất lượng giáo dục đạo đức và chất lượng văn hoá.

- Xây dựng kế hoạch đổi mới phương pháp của nhà trường, mỗi cán bộ quản lý và mỗi giáo viên đều có một sáng kiến đổi mới. Đánh giá học sinh theo chuẩn kiến thức kỹ năng. phù hợp với mục tiêu, nội dung chương trình và đối tượng học sinh.

- Đổi mới các hoạt động giáo dục, hoạt động tập thể, gắn học lý thuyết với thực tiễn, giúp học sinh có những kỹ năng sống cơ bản. (Phụ trách: Ban giám hiệu, giáo viên chủ nhiệm, giáo viên bộ môn, Bí thư chi đoàn, TPT Đội)

- Xây dựng đội ngũ cán bộ giáo viên, nhân viên đủ về số lượng, đảm bảo về cơ cấu, có phẩm chất chính trị, có năng lực chuyên môn khá, giỏi, có trình độ tin học, ngoại ngữ cơ bản, có phong cách sư phạm mẫu mực. Đoàn kết, tâm huyết, gắn bó với nhà trường, hợp tác giúp đỡ nhau cùng tiến bộ. (Phụ trách: BGH, Ban chấp hành Công đoàn, Tổ trưởng CM).

- Tạo điều kiện cho giáo viên tham gia các lớp học nâng chuẩn về trình độ đào tạo, năng lực chuyên môn nghiệp vụ, năng lực ngoại ngữ, tin học.

- Chú trọng các biện pháp bồi dưỡng thường xuyên cho giáo viên qua các đợt bồi dưỡng trong hè, các hình thức sinh hoạt chuyên đề, sinh hoạt tổ nhóm chuyên môn, tự tích lũy, viết, áp dụng và phổ biến SKKN.

- Quan tâm đến những giáo viên đổi mới phương pháp còn chậm, trình độ chuyên môn chưa cao bằng cách tăng cường dự giờ, góp ý xây dựng tiết dạy.

- Nâng cao chất lượng giáo dục mũi nhọn; phát hiện và bồi dưỡng những giáo viên trẻ, có năng lực, nhiệt tình làm đội ngũ nòng cốt trong phát triển chuyên môn. Tăng cường những tiết lên lớp mẫu, tiết dự thi giáo viên dạy giỏi, thể nghiệm các chuyên đề, sáng kiến kinh nghiệm. Qua đó giáo viên được dự giờ rút kinh nghiệm và nâng cao trình độ chuyên môn.

2. Giải pháp cụ thể triển khai thực hiện cải tiến nâng cao chất lượng các tiêu chí, tiêu chuẩn

Tiêu chí	Người thực hiện	Dự kiến kinh phí (nếu có)	Thời gian thực hiện	Giải pháp
Tiêu chí 2.4. Đối với học sinh	BGH		Từ năm học 2022-2023	Thực hiện biên chế lớp đúng quy định

3. Giải pháp về chính sách (Nguồn kinh phí)

- Xây dựng nhà trường văn hoá, thực hiện tốt quy chế dân chủ trong nhà trường.

- Chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho cán bộ giáo viên, nhân viên. Huy động được các nguồn lực của xã hội, cá nhân tham gia vào việc phát triển nhà trường.

- Nguồn lực tài chính:

+ Ngân sách Nhà nước

+ Nguồn vận động xã hội hoá: Tranh thủ sự ủng hộ của các tổ chức cá nhân,

- Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên: nhiệt tình, có trách nhiệm, yêu nghề, gắn bó với nhà trường mong muốn nhà trường phát triển, chất lượng chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm đa số đáp ứng được yêu cầu đổi mới giáo dục.

- Tập thể cán bộ giáo viên, nhân viên trong nhà trường luôn đoàn kết, tương thân tương ái, giúp đỡ nhau trong công việc, khắc phục khó khăn, hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao.

- Kết quả chất lượng giáo dục toàn diện luôn được duy trì và nâng cao. Kết quả thi học sinh giỏi hàng năm luôn đứng thứ ba trong quận. Tỷ lệ học sinh đỗ vào lớp 10 THPT công lập luôn dẫn đầu trong quận. Các hoạt động Đoàn - Đội, hoạt động phong trào nhiều năm liên tục được xếp loại xuất sắc.

- Cơ sở vật chất đồng bộ đạt các tiêu chí của trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2, kiểm định chất lượng Giáo dục cấp độ 3.

3.2. Hạn chế.

- **Đội ngũ giáo viên, công nhân viên:** Một bộ phận nhỏ giáo viên sức khỏe yếu, nhiều giáo viên trong độ tuổi thai sản nên kinh nghiệm giảng dạy chưa nhiều, thời gian dành cho chuyên môn còn ít, thiếu cục bộ.

- **Chất lượng học sinh:** Trường đóng trên địa bàn dân cư trình độ dân trí không đồng đều và hoàn cảnh gia đình phức tạp nên việc quan tâm giáo dục con em còn hạn chế, do đó ảnh hưởng nhiều đến chất lượng giáo dục học sinh.

- Cơ sở vật chất:

+ Chưa đồng bộ, nhiều trang thiết bị đã hết thời gian khấu hao nên hỏng nhiều.

3.3. Nguyên nhân của hạn chế.

- Đội ngũ giáo viên nhà trường phần lớn là giáo viên trẻ kinh nghiệm giảng dạy chưa nhiều.

- Trường thuộc nội thành nhưng giáp vùng ven, gần chợ nhiều gia đình có hoàn cảnh gia đình phức tạp nên việc quan tâm giáo dục con em còn hạn chế,

III. KẾ HOẠCH XÂY DỰNG TRƯỜNG ĐẠT CHUẨN QUỐC GIA

1. Mục tiêu

Mục tiêu đến năm 2026 đạt kiểm định mức độ 3, Duy trì trường đạt chuẩn cấp độ 2.

2. Kế hoạch:

2.1. Năm học 2022-2023. Xây dựng trường là trung tâm TDTT của địa phương

2.2. Năm học 2023-2024 bước đầu thực hiện xây dựng thành trường trọng điểm cửa ngõ phía Tây thành phố.

2.3. Năm học 2024-2025 và các năm học tiếp theo: Hoàn thành xây dựng thành trường trọng điểm cửa ngõ phía Tây thành phố. Trung tâm TDTT của địa phương.

IV. GIẢI PHÁP

1. Giải pháp về công tác chỉ đạo, tuyên truyền

- Xây dựng thương hiệu và tín nhiệm của xã hội đối với nhà trường bằng cách thực hiện hiệu quả bốn giải pháp trên. Tuyên truyền rộng rãi đến nhân dân địa phương những thành tích mà nhà trường đã đạt được thông qua các cuộc họp phụ huynh hoặc các cuộc họp với các cấp ủy đảng, chính quyền về các vấn đề có liên quan đến giáo dục.

+ Các nguồn từ giảng dạy, dịch vụ của Nhà trường

- Nguồn lực vật chất:

+ Khuôn viên nhà trường, phòng học, phòng làm việc và các công trình phụ trợ.

+ Trang thiết bị giảng dạy, công nghệ phục vụ dạy - học.

4. Giải pháp kiểm tra, giám sát

- Thực hiện tốt công tác kiểm tra giám sát nội bộ: Ban thanh tra nhân dân, cha, mẹ học sinh.

- Thực hiện nghiêm túc công khai, dân chủ trong nhà trường.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. **Chi bộ:** Lãnh đạo nhà trường và các tổ chức đoàn thể phối hợp thực hiện các mục tiêu đề ra.

2. **Hiệu trưởng:** Chịu trách nhiệm cụ thể hoá kế hoạch từng năm học, chỉ đạo thực hiện và tạo nguồn lực cho việc triển khai hiệu quả các kế hoạch. Thành lập Ban chỉ đạo kiểm tra và đánh giá công bằng, khách quan, hiệu quả theo từng năm học.

3. **Phó hiệu trưởng:** Theo nhiệm vụ được phân công giúp hiệu trưởng tổ chức triển khai từng phần cụ thể, đồng thời kiểm tra và đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch, đề xuất các giải pháp thực hiện.

4. Tổ trưởng chuyên môn:

+ Xây dựng kế hoạch công tác của tổ.

+ Tổ chức thực hiện kế hoạch trong tổ; kiểm tra đánh giá việc thực hiện kế hoạch của các thành viên, tìm hiểu nguyên nhân, đề xuất các giải pháp để thực hiện kế hoạch.

+ Xây dựng kế hoạch hành động cụ thể (từng năm) của tổ, trong đó mỗi hoạt động cần nêu rõ mục tiêu cần đạt, kết quả, hiệu quả, thời gian và các nguồn lực thực hiện

5. **Giáo viên, nhân viên:** Căn cứ kế hoạch của tổ để xây dựng kế hoạch công tác cá nhân theo từng năm học. Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch đúng thời gian quy định, thông tin kịp thời những vướng mắc nhằm để bàn bạc, có các giải pháp để thực hiện hiệu quả nhiệm vụ.

6. Các tổ chức, đoàn thể trong nhà trường:

+ Hằng năm xây dựng chương trình hành động thực hiện các nội dung liên quan trong Kế hoạch được phân công.

+ Tuyên truyền, vận động các thành viên của đoàn thể, tổ chức mình thực hiện tốt các nội dung và giải pháp trên, góp ý với nhà trường để điều chỉnh, bổ sung các giải pháp phù hợp nhằm thực hiện tốt kế hoạch.

7. Ban đại diện cha mẹ học sinh:

+ Hỗ trợ tài chính, cơ sở vật chất, nhân lực, vật lực, cùng với nhà trường tuyên truyền, vận động các bậc phụ huynh, các tổ chức xã hội, các nhà hảo tâm góp phần thực hiện mục tiêu phát triển nhà trường.

+ Tăng cường giáo dục gia đình, vận động phụ huynh học sinh quan tâm phối kết hợp chặt chẽ với nhà trường và các lực lượng giáo dục khác trong việc giáo dục con em.

VI. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Đối với quận ủy, UBND quận

- Quan tâm đầu tư các nguồn vốn xây dựng cơ sở vật chất trường THCS Quán Toan theo lộ trình đề ra.

- Quan tâm quy hoạch, đào tạo, bổ nhiệm cán bộ quản lý, phê duyệt, tuyển dụng đội ngũ kịp thời, đảm bảo cơ cấu cho nhà trường.

2. Đối với Phòng Giáo dục và Đào tạo

- Thường xuyên quan tâm theo dõi chỉ đạo về chuyên môn, hỗ trợ nhà trường hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ theo mục tiêu đã đề ra.

- Tạo điều kiện cho cán bộ quản lý, giáo viên tham gia học các lớp bồi dưỡng quản lý giáo dục; Tổ chức các chuyên đề, bồi dưỡng nghiệp vụ cho CBQL và giáo viên.

3. Đối với chính quyền địa phương

- Quan tâm chỉ đạo công tác xã hội hóa giáo dục tại địa phương, bảo vệ an ninh trật tự, tuyên truyền công tác phối hợp gia đình, nhà trường, xã hội trong giáo dục học sinh góp phần xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh thống nhất, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện của nhà trường./.

Nơi nhận:

- UBND quận;
- Phòng GDĐT;
- Website trường;
- Lưu: VT.





BIÊN BẢN

NIÊM YẾT CÔNG KHAI THEO THÔNG TƯ 36/2017/TT-BGDĐT

Thực hiện Quy chế công khai đối với cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân (Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2017/TT - BGD&ĐT ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo);

Hôm nay, trường THCS Quán Toan, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng tiến hành niêm yết các nội dung công khai theo quy định tại điều 6 của Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục.

- **Thời gian:** Hôi 9 giờ 00 phút ngày 09 tháng 9 năm 2023.

- **Địa điểm:** Tại Trường THCS Quán Toan

- **Thành phần:**

+ Ban giám hiệu nhà trường: 02/2 đồng chí (vắng: 0);

+ Đại diện BCH công đoàn trường; tổ chuyên môn; đồng chí Kế toán nhà trường; TTND.

- **Nội dung:** Ban lãnh đạo nhà trường tiến hành xem xét các biểu mẫu thống kê nội dung công khai theo TT 36/2017 và tiến hành niêm yết công khai tại cơ sở.

- Hình thức công khai: + Công khai trên trang thông tin điện tử nhà trường.

+ Trên bảng niêm yết công khai.

- Thời gian công khai: 30 ngày từ ngày 09/9/2023-09/10/2023

Biên bản hoàn thành hồi 9 giờ 30 phút.

XÁC NHẬN CỦA CÁC THÀNH VIÊN

Nguyễn Thế Tuấn

Phạm Thị Duyên

Đỗ Thị Minh Hiền

Nguyễn Thị Châu

Bùi Thị Thuần

Trương Văn Hải